

Bản án số: 187/2024/DS-ST

Ngày 17-7- 2024

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Khoa; Ông Hà Công Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Quyền T, sinh năm: 1996; địa chỉ: 106/88 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Quyền T):* Bà Phan Thị N, sinh năm: 1963; địa chỉ: 106/88 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Theo văn bản ủy quyền đề ngày 28 tháng 3 năm 2024.

2./ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1971; địa chỉ: 279/55 ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre;

3./ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm: 1966; địa chỉ: 279/55 ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Phan Văn Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Huyền T theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024.

Bà N, bà HT có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Quyền T) là bà Phan Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Quyền T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Huyền T làm đầu thảo, gồm các dây hụi sau đây:

1/ Dây hụi 5.000.000đồng, mở ngày 05/02/2022 (nhằm ngày 05 tháng 01 âm lịch năm 2022), ngày mãn hụi là ngày 14/02/2024, gồm 26 phần, bà QT tham gia

01 phần, đóng hội được 25 tháng với số tiền 80.120.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 3.204.000đồng). Dây hội này đã mãn, nên bà QT yêu cầu bà HT phải trả đủ số tiền hội mà bà QT hót được của dây hội này là 122.500.000đồng (đã trừ tiền đầu thảo).

2/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 13/11/2022 (nhằm ngày 20 tháng 10 âm lịch năm 2022), ngày mãn hội là ngày 13/12/2024, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 16 tháng với số tiền 10.720.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 670.000đồng);

3/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 01/01/2023 (nhằm ngày 10 tháng 12 âm lịch năm 2022), ngày mãn hội là ngày 01/01/2025, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 14 tháng với số tiền 9.490.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 671.000đồng);

4/ Dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 10/02/2023 (nhằm ngày 20 tháng 01 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 10/6/2025, gồm 29 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 13 tháng với số tiền 40.370.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 3.106.000đồng);

5/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 29/4/2023 (nhằm ngày 10 tháng 3 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 29/4/2025, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 10 tháng với số tiền 6.760.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 676.000đồng);

6/ Dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 02/6/2023 (nhằm ngày 15 tháng 4 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 02/12/2025, gồm 30 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 09 tháng với số tiền 28.010.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 3.113.000đồng);

7/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 16/8/2023 (nhằm ngày 01 tháng 7 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 16/10/2025, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 06 tháng với số tiền 4.220.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 704.000đồng);

8/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 09/9/2023 (nhằm ngày 25 tháng 7 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 09/11/2025, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 06 tháng với số tiền 4.220.000đồng (bình quân mỗi tháng bà QT đóng khoảng 704.000đồng);

Bà N yêu cầu bà HT và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà QT số tiền hội của dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 05/02/2022 (nhằm ngày 05 tháng 01 âm lịch năm 2022), ngày mãn hội là ngày 14/02/2024 với số tiền là 122.500.000đồng.

Đối với 07 dây hội còn lại (trừ dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 05/02/2022 do bà QT tính bình quân số tiền hàng tháng đã đóng nên có sự chênh lệch so với số tiền mà bà HT đã ghi trong sổ sách. Do vậy, nay bà N cũng thống nhất theo số tiền mà bà HT đã tính là 99.360.000đồng.

Tổng số tiền hội mà bà QT yêu cầu bà HT và ông Đ phải trả là 99.360.000đồng + 122.500.000đồng = 221.860.000đồng.

Bà QT xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.770.000đồng (tiền chênh lệch của 07 dây hội còn lại khi khởi kiện so với số tiền yêu cầu giải quyết tại phiên tòa).

- Trong văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Bà có làm đầu thảo hội, bà QT là hội viên có tham gia chơi các dây hội sau đây:

1/ Dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 05/02/2022, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 25 tháng với số tiền 73.390.000đồng. Dây hội này đã mãn, nếu giao tiền hội cho bà QT thì bà HT phải giao số tiền là 122.500.000đồng (đã trừ tiền đầu thảo). Tuy nhiên, hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên bà HT chỉ đồng ý trả lại cho bà QT số tiền gốc đã đóng là 73.390.000đồng.

2/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 13/11/2022 (nhằm ngày 20 tháng 10 âm lịch năm 2022), ngày mãn hội là ngày 13/12/2024, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 16 tháng với số tiền 10.640.000đồng.

3/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 01/01/2023 (nhằm ngày 10 tháng 12 âm lịch năm 2022), ngày mãn hội là ngày 01/01/2025, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 14 tháng với số tiền 9.550.000đồng;

4/ Dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 10/02/2023 (nhằm ngày 20 tháng 01 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 10/6/2025, gồm 29 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 13 tháng với số tiền 37.390.000đồng.

5/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 29/4/2023 (nhằm ngày 10 tháng 3 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 29/4/2025, gồm 25 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 10 tháng với số tiền 6.840.000đồng.

6/ Dây hội 5.000.000đồng, mở ngày 02/6/2023 (nhằm ngày 15 tháng 4 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 02/12/2025, gồm 30 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 09 tháng với số tiền 26.560.000đồng.

7/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 16/8/2023 (nhằm ngày 01 tháng 7 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 16/10/2025, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 06 tháng với số tiền 4.190.000đồng.

8/ Dây hội 1.000.000đồng, mở ngày 09/9/2023 (nhằm ngày 25 tháng 7 âm lịch năm 2023) ngày mãn hội là ngày 09/11/2025, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hội được 06 tháng với số tiền 4.190.000đồng.

Nay bà HT và ông Đ chỉ đồng ý liên đới trả lại cho bà QT tổng số tiền hội gốc mà bà QT đã đóng là 172.750.000đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp về hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Quyền T yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại tổng số tiền hui là 230.630.000đồng. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bà QT xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.770.000đồng (tiền đã đóng của 07 dây hui còn lại), yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền hui là 221.860.000đồng.

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn có nộp cho Tòa án giấy hui. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đồng ý với nguyên đơn về số dây hui, giá trị của từng dây hui và số phần hui mà nguyên đơn tham gia. Do bị bể hui nên bị đơn là bà HT đề nghị bà QT cho bà trả lại số tiền hui đã đóng của 08 dây hui là 172.750.000đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Dây hui 5.000.000đồng, mở ngày 05/02/2022 (nhằm ngày 05 tháng 01 âm lịch năm 2022), ngày mãn hui là ngày 14/02/2024, gồm 26 phần, bà QT tham gia 01 phần, đóng hui đến mãn. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống xác định tổng số tiền nguyên đơn thực đóng trong dây hui này là 73.390.000đồng; đây là hui có lãi và số tiền bị đơn có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn khi mãn hui là 122.500.000đồng (sau khi trừ tiền đầu thảo là 2.500.000đồng). Như vậy tiền lãi của dây hui được xác định là  $122.500.000\text{đồng} - 73.390.000\text{đồng} = 49.110.000\text{đồng}$  (tương đương 66,9%). Mức lãi suất trong hui do các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định là không vượt quá 20%/năm.

Do vậy, xét thấy cần điều chỉnh phần lãi của dây hui này cho phù hợp, tiền lãi được tính cụ thể như sau:  $73.390.000\text{đồng} \times 20\%/năm = 14.768.000\text{đồng}$ . Tổng số tiền của dây hui mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là:  $73.390.000\text{đồng}$  (tiền gốc đã đóng) +  $14.768.000\text{đồng}$  (tiền lãi) =  $88.068.000\text{đồng}$ .

[3.2] Đối với 07 dây hui còn lại do giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất được số tiền đã đóng là 99.360.000đồng và các bên đồng ý việc bị đơn trả lại số tiền này cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Như vậy, tổng số tiền của 08 dây hui mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn là  $99.360.000\text{đồng} + 88.068.000\text{đồng} = 187.428.000\text{đồng}$ .

[4] Bà Nguyễn Quyền T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.770.000đồng nên Hội đồng xét xử xét đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Bà Nguyễn Quyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là  $5\% \times 34.432.000\text{đồng} = 1.721.600\text{đồng}$ .

[5.2] Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch  $5\% \times 187.428.000\text{đồng} = 9.371.400\text{đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 463, 471, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Quyền T đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Đ.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Quyền T số tiền hụi là 187.428.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Quyền T đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Đ đối với số tiền 34.432.000đ (ba mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng).

[3] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Quyền T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Đ đối với số tiền 8.770.000đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Nguyễn Quyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.721.600đ (một triệu bảy trăm hai mươi một ngàn sáu trăm đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.765.000đ (năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000762 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà QT được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.043.400đ (bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng).

[4.2] Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.371.400đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng).

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Nguyễn Quyền T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[7] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyên**